

Số: 1587 /HD-SNV

Gia Lai, ngày 02 tháng 10 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

Sau khi trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

1. Đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ bao gồm:

a) Cán bộ giữ chức vụ, chức danh chuyên trách do bầu cử trong hệ thống chính trị (cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội) không đủ điều kiện tái cử vì tuổi theo quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (sau đây viết tắt là Chỉ thị 35); Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương (sau đây viết tắt là Hướng dẫn 27); Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 26) và các quy định khác của các cấp có thẩm quyền.

b) Cán bộ giữ chức vụ bổ nhiệm có thời hạn (không phải chức vụ bầu cử) nhưng được cơ cấu cấp ủy các cấp hoặc đồng thời giữ chức vụ chuyên trách (do bầu cử) của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nay thôi tái cử vì tuổi và có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26.

c) Cán bộ được bầu giữ chức danh Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp (từ tỉnh đến cấp huyện và tương đương).

d) Cán bộ đủ điều kiện tái cử ở Đại hội Đảng bộ các cấp nhưng không đủ tuổi tái cử HĐND, UBND cùng cấp; hoặc cán bộ đủ điều kiện tái cử ở Đại hội Đảng bộ các cấp còn thời gian công tác từ dưới 36 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

2. Không áp dụng chế độ, chính sách theo Nghị định 26 đối với các trường hợp sau:

a) Cán bộ đã có thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc còn từ đủ 06 tháng công tác trở lại, tính từ ngày tổ chức Đại hội các cấp đến ngày nghỉ hưu theo quy định.

b) Cán bộ không đủ tuổi tái cử cấp ủy theo Chỉ thị 35, Hướng dẫn 27 nhưng không có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26 hoặc đang tiếp tục làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tại vị trí cũ theo quy định (không phải cơ cấu cấp ủy trong nhiệm kỳ mới).

c) Cán bộ được áp dụng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

II. ĐIỀU KIỆN HƯỞNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH:

Cán bộ hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định 26 là những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, mục I văn bản này có đủ các điều kiện:

1. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội:

a) Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này). Đối với cán bộ cấp xã công tác tại nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên; cán bộ cấp xã có thời gian tham gia quân đội, công an và được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương các loại nếu còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 2,5 năm (30 tháng) trở xuống mới đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí.

b) Cán bộ nữ cấp xã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên.

2. Thời gian công tác: Tính từ ngày Đại hội Đảng bộ các cấp; bầu cử Quốc hội, HĐND, UBND các cấp; hoặc Đại hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội mà còn dưới 30 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định; hoặc còn thời gian công tác từ dưới 36 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

III. HỒ SƠ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH:

1. Thành phần hồ sơ:

a) Hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi (02 bộ bản chính):

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ theo phân cấp (kèm danh sách cán bộ và dự toán kinh phí thực hiện theo biểu mẫu số 01 đính kèm).

- Đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi của cán bộ (theo mẫu đơn số 01 đính kèm).

- Bản sao giấy khai sinh của cán bộ (trường hợp không có giấy khai sinh thì phô tô sổ Lý lịch Đảng viên có xác nhận của cấp có thẩm quyền).

- Một trong các loại văn bản: Kế hoạch, Thông báo, Kết luận,... quy định về thời gian tổ chức Đại hội cấp ủy, bầu cử chính quyền, hoặc Đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Quyết định cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy); bản phô tô có chứng thực các Quyết định lương; Quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm, xếp lương các chức vụ đã đảm nhiệm của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu.

Chú ý: Trường hợp cán bộ đủ điều kiện quy định để được xếp lương lên bậc 2 của chức danh cán bộ đang đảm nhiệm (đối với cán bộ xếp lương chức vụ) hoặc được nâng lương trước thời hạn hay được nâng ngạch không qua thi nâng ngạch để nghỉ hưu (đối với cán bộ xếp lương chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo) thì nêu rõ, giải trình tại văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương; kèm phiếu đánh giá, phân loại cán bộ của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu và các văn bản, tài liệu chứng minh có liên quan.

- Bản kê quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định.

Chú ý: Đối với trường hợp cán bộ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để đủ 20 năm thì phải kèm theo hồ sơ: Bản sao chứng thực của cơ quan có thẩm quyền quy định phụ cấp khu vực 0,7 trở lên hoặc bản sao chứng thực bằng huân chương, huy chương trong thời gian tham gia quân đội, công an.

b) Hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (02 bộ bản chính):

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ theo phân cấp (kèm danh sách cán bộ theo biểu mẫu số 02 đính kèm).

- Một trong các loại văn bản: Kế hoạch, Thông báo, Kết luận,... quy định về thời gian tổ chức Đại hội cấp ủy, bầu cử chính quyền, hoặc Đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Quyết định bố trí tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy).

- Bản phô tô chứng thực Quyết định về mức lương chức vụ gần nhất (hoặc mức lương theo ngạch, bậc gần nhất) trước khi chuyển công tác; phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng, ... (nếu có).

c) Hồ sơ giải quyết nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu (02 bộ bản chính):

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ theo phân cấp (kèm danh sách cán bộ và dự toán kinh phí thực hiện theo biểu mẫu số 03 đính kèm).

- Đơn tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu của cán bộ (theo mẫu đơn số 02 đính kèm).

- Bản sao giấy khai sinh của cán bộ (trường hợp không có giấy khai sinh thì phô tô sổ Lý lịch Đảng viên có xác nhận của cấp có thẩm quyền).

- Một trong các loại văn bản: Kế hoạch, Thông báo, Kết luận,... quy định về thời gian tổ chức Đại hội cấp ủy, bầu cử chính quyền hoặc Đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Quyết định cho cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy).

- Bản phô tô chứng thực Quyết định về mức lương chức vụ gần nhất (hoặc mức lương theo ngạch, bậc gần nhất) trước khi nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng, ... (nếu có).

- Bản kê quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định.

Lưu ý:

- Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm còn dưới 2 năm (24 tháng) công tác sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không bố trí được vị trí công tác phù hợp và không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì mới được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu.

- Không thực hiện việc nâng bậc, nâng ngạch lương trong thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu và tiếp tục thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Nộp hồ sơ:

a) Cán bộ thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp huyện trở lên nộp về Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

b) Cán bộ thuộc khối Nhà nước từ cấp huyện trở lên và cán bộ cấp xã nộp về Sở Nội vụ.

IV. THỜI GIAN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH:

Thực hiện từ trước ngày Đại hội Đảng bộ, bầu cử chính quyền, Đại hội Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội của cấp mình là 03 tháng (90 ngày) và chậm nhất không quá 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ Đại hội (bầu cử) của cấp cán bộ thôi tái cử.

V. NGUỒN KINH PHÍ:

Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định 26; do ngân sách Nhà nước cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định 26 đối với cán bộ thuộc khối Nhà nước từ cấp huyện trở lên và cán bộ cấp xã. Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho cán bộ được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định 26 đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh theo quy định.

b) Chuyển Sở Tài chính thẩm định về kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 26 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

c) Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Trung ương về kết quả thực hiện Nghị định 26 tại địa phương.

d) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và chịu trách nhiệm thẩm định về kinh phí thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, báo Bộ Tài chính cấp kinh phí, đồng gửi Bộ Nội vụ để theo dõi theo quy định.

b) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu đề xuất UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định 26.

3. Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh: Có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ và chỉ đạo thực hiện việc thu bảo hiểm xã hội, giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định 26.

4. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

a) Hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thuộc tỉnh theo quy định.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định 26 thuộc thẩm quyền. Trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất giải quyết chế độ, chính sách; lập danh sách, chuyển hồ sơ giải quyết qua Sở Tài chính để đề xuất UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính cấp kinh phí thực hiện theo quy định; đồng gửi danh sách về Sở Nội vụ để tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo cấp có thẩm quyền.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ thuộc đối tượng được thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 26:

a) Căn cứ thẩm quyền theo quy định, tiến hành rà soát, xác định đúng đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định 26; giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết như sau:

- Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định: Cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn các trường hợp đủ điều kiện hưởng chế độ, chính sách lập hồ sơ cá nhân (thành phần hồ sơ thực hiện theo mục III văn bản này) và ban hành Quyết định theo thẩm quyền quy định (đảm bảo theo mục IV văn bản này). Sau đó gửi Quyết định giải quyết kèm hồ sơ (02 bộ bản chính) về Sở Nội vụ để thẩm định lại đối tượng, trên cơ sở đó chuyển Sở Tài chính thẩm định về kinh phí thực hiện theo quy định.

- Đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy: Cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ theo hướng dẫn tại văn bản này về Sở Nội vụ (đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh), Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Tỉnh ủy) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

b) Triển khai các Quyết định của cấp có thẩm quyền về thực hiện chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền; thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Nghị định 26, Hướng dẫn 27 định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thuộc tỉnh; Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 879/HD-SNV ngày 09/7/2015 của Sở Nội vụ về triển khai thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, nghiên cứu giải quyết vướng mắc./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng TU và các Ban Đảng tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở ban ngành tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND cấp xã (cấp huyện sao gửi);
- Lưu: VT, XDCQ.

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Tâm

Mẫu đơn số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

Kính gửi:

Tôi tên:....., sinh ngày.../.../...

Quê quán:.....

Hiện đang cư trú tại:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Số sổ Bảo hiểm xã hội:.....

Tổng số thời gian đóng Bảo hiểm xã hội: ... năm ... tháng.

Vì lý do Sau khi nghiên cứu Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính Phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Tôi xét thấy đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi nên tôi viết đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết cho tôi được nghỉ hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Kính mong quý cơ quan xem xét./.

...ngày...tháng... năm...

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu đơn số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU

Kính gửi:

Tôi tên:....., sinh ngày.../.../...

Quê quán:.....

Hiện đang cư trú tại:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Số sổ Bảo hiểm xã hội:.....

Tổng số thời gian đóng Bảo hiểm xã hội: ... năm ... tháng.

Vì lý do Sau khi nghiên cứu Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính Phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Tôi xét thấy đủ điều kiện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu nên tôi viết đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết cho tôi được nghỉ hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Kính mong quý cơ quan xem xét./.

...ngày...tháng... năm...

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)